

Số: 27/BC.DCL

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Quý cổ đông, khách hàng và đối tác

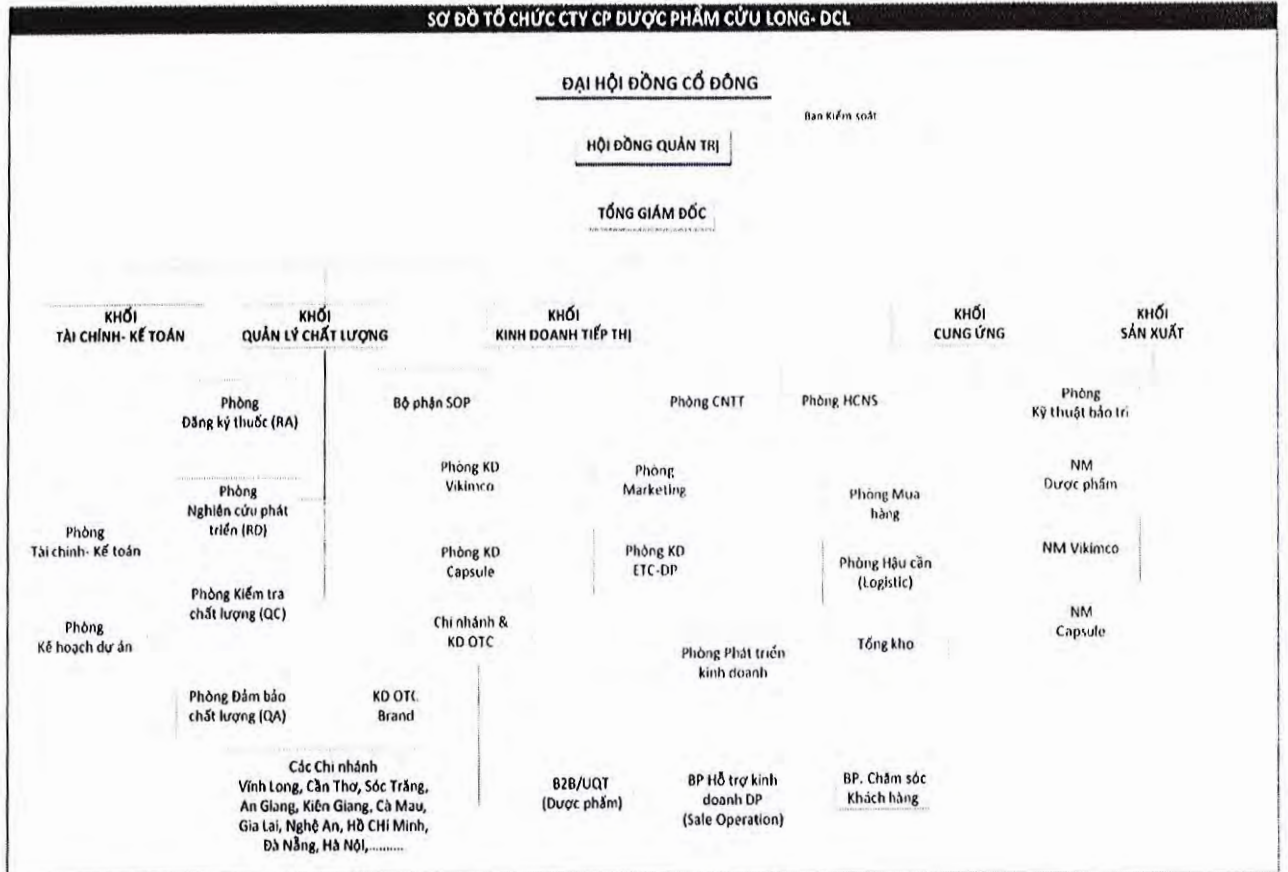


I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500202535 cấp lần đầu ngày 09/11/2004, cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 05/09/2022.
- Vốn điều lệ: 730.410.300.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 730.410.300.000 đồng
- Địa chỉ: số 150 đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: 02703 822533
- Số fax/Fax: 02703 822129
- Website: <http://dcl.com.vn>
- Mã cổ phiếu : DCL
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):
 - Lịch sử hình thành:
 - Năm 1976: hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh được sáp nhập thành tỉnh Cửu Long, Xí nghiệp dược phẩm Cửu Long và Công ty dược phẩm Cửu Long ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, phân phối dược phẩm, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.
 - Tháng 04/1984: Xí nghiệp dược phẩm Cửu Long và Công ty dược phẩm Cửu Long sáp nhập thành Xí Nghiệp Liên hiệp Dược Cửu Long. Xí nghiệp có nhiệm vụ chính là sản xuất, lưu thông phân phối thuốc, chế biến thuốc và xuất nhập khẩu các mặt hàng dược phẩm.
 - Năm 1992: tỉnh Cửu Long được chia tách thành hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Xí Nghiệp Liên hiệp dược phẩm Cửu Long cũng được tách ra làm 2, bao gồm công ty Dược Trà Vinh và Công ty Dược Cửu Long. Tháng 11 năm 1992, công ty Dược Cửu Long đổi tên thành Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long.
 - Tháng 09/2004: Công ty thực hiện việc chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp của Chính phủ.
 - Ngày 09/11/2004: Công ty với tên gọi mới là Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL). Vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng.
 - Những cột mốc phát triển:
 - Năm 1997: Công ty liên doanh với Hàn Quốc thành lập nhà máy sản xuất dụng cụ y tế Việt Nam - Hàn Quốc (gọi tắt là Vikimco), với công nghệ sản xuất thế hệ mới của Hàn Quốc. Hiện nay là Nhà máy sản xuất dụng cụ y tế trực thuộc DCL
 - Năm 2000: liên doanh với đối tác Canada xây dựng nhà máy Vicancap, áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất Capsule (viên nang rỗng) các loại. Hiện nay là Nhà máy sản xuất Capsule trực thuộc DCL.
 - Ngày 17/09/2008: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long chính thức trở thành công ty niêm yết trên sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là DCL.

- Năm 2015 Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T trở thành cổ đông lớn của Dược Cửu Long và hiện nay Dược Cửu Long là Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T.
 - Năm 2016-2017, DCL góp vốn thành lập Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas, Công ty cổ phần dược phẩm Benovas, Công ty cổ phần thuốc ung thư Benovas.
 - Đặc biệt, dự án xây mới Nhà máy sản xuất Capsule 3 đã hoàn thành, đưa vào hoạt động vào tháng 8/2018, nâng công suất sản xuất viên nang rỗng tăng hơn 30%.
 - Tiếp tục trên đà phát triển, năm 2020 Công ty đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule giai đoạn 4 nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thị phần nang trên cả nước. Năm 2022 Công ty đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 5 với mức vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng gồm 4 dây chuyền sản xuất Capsule và các thiết bị lựa nang tự động đồng bộ đi kèm, tăng năng lực sản xuất thêm 2,8 tỷ nang/năm, dự kiến quý 3/2023 sẽ đi vào hoạt động.
 - Năm 2022 với dự án xây mới Nhà máy sản xuất Thiết bị Y tế Benovas nhằm đa dạng dòng sản phẩm trang thiết bị y tế mới đáp ứng nhu cầu chữa bệnh trong nước và xuất khẩu, góp phần cung cấp thiết bị y tế phòng chống dịch Covid-19.
 - Cùng trong năm 2022, Công ty triển khai thực hiện dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP tại tỉnh Long An, đây là một trong những dự án tiêu biểu của tỉnh với tổng vốn đầu tư là 1,035 tỷ đồng, quy mô 50.000 m². Công suất sản xuất thuốc, dược phẩm của nhà máy đạt 1,6 tỷ sản phẩm/năm. Dự án đang trong giai đoạn cuối của việc đàm phán hợp đồng theo hình thức chìa khóa trao tay, dự kiến khởi công trong Quý 3/2023.
 - Các sự kiện khác:
2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*
- Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh: Dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ y tế các loại.
Hiện 02 ngành hàng dược phẩm và capsule chiếm trên 10% tổng doanh thu.
 - Địa bàn kinh doanh: (Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
Hiện công ty có 02 khu vực là Hà Nội và TP.HCM chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu.
3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*
- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
 - Cơ cấu bộ máy quản lý:
Sơ đồ tổ chức Công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).
 - Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế (MSC) là công ty con trên cơ sở Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Lao Medical Services Co., Ltd. MSC được thành lập ngày 29/12/2003. Hiện Công ty MSC đang tạm ngừng hoạt động, tuy nhiên Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long vẫn chưa có kế hoạch giải thể Công ty này.
 - Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn (VPC) là công ty TNHH MTV được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311124093 ngày 06/9/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn Điều lệ của Công ty đã được góp đủ là 163.000.000.000 đồng. Tình trạng hoạt động: đang hoạt động bình thường.
 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas (Benovas Pharma) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314033736 ngày 27/9/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn Điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng và đã được góp đủ. Tình trạng hoạt động: đang hoạt động bình thường.
 - Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (Benovas MeDevices) là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1501057104 ngày 27/09/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 17/12/2021 vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2022 Công ty đã thực hiện thủ tục góp vốn vào Benovas MeDevices và Benovas MeDevices vẫn còn trong giai đoạn đầu tư.
 - Công ty Cổ phần Thuốc Ung Thư Benovas (Benovas Oncology) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107753133 ngày 08/03/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ là 100.000.000.000 đồng. Tình trạng hoạt động: đang hoạt động bình thường.

4. Định hướng phát triển

Với SỨ MỆNH và TÂM NHÌN từ Công ty mẹ - Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T,

SỨ MỆNH: "NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG BẰNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ VƯỢT TRỘI"

TÂM NHÌN: "TẬP ĐOÀN THỊNH VƯỢNG, ĐA NGÀNH VỚI CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ KHÁC BIỆT, ĐẲNG CẤP, DẪN ĐẦU, MANG LẠI CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN. NƠI HỘI TỤ NHÂN TÀI, ĐƯỢC XÃ HỘI TÔN VINH"

Và SỨ MỆNH - TÂM NHÌN của Dược Cửu Long,

Sứ mệnh: "KẾT NỐI VÀ CẢI THIỆN CUỘC SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG THÔNG QUA NHỮNG GIẢI PHÁP SỨC KHỎE TỐI ƯU"

Tâm nhìn: "LÀ CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT BỞI BỆNH NHÂN, ĐỐI TÁC VÀ NHÂN VIÊN THÔNG QUA NHỮNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ SÁNG TẠO, DỄ TIẾP CẬN VÀ CHĂM SÓC TỐT NHẤT"

- Dược Cửu Long thiết lập các mục tiêu chủ yếu:
 - Vào năm 2027, Dược Cửu Long là công ty hàng đầu sở hữu các nhà máy sản xuất dược phẩm, vật tư y tế đạt chuẩn EU-GMP/CE/FDA. Trên 50% các sản phẩm sản xuất dẫn đầu thị trường. Doanh thu dự kiến đạt 3.200 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 512 tỷ đồng.
 - Năm 2023 tất cả các mảng kinh doanh của Dược Cửu Long hướng tới đạt mức lợi nhuận trước thuế trên 10%. Công suất khai thác các nhà máy, dây chuyền sản xuất trên 80%. Môi trường làm việc chuyên nghiệp, tinh gọn và đổi mới.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo đội ngũ kế thừa.
 - Đẩy mạnh kinh doanh xuất khẩu dược phẩm, dụng cụ y tế, viên nang rỗng sang thị trường Châu Á.
 - Phát triển sản phẩm mới, sản phẩm thử thương đương sinh học.
 - Tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số lớn và lợi nhuận cao.
 - Tăng độ phủ sản phẩm ở tất cả các kênh bán hàng.
 - Tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro về chuỗi cung ứng, tài chính, kinh doanh.
 - Đầu tư các nhà máy sản xuất dược phẩm, vật tư y tế đạt chuẩn EU-GMP/CE/FDA.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
 - Hệ thống chất lượng cả Công ty áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Riêng Vikimco áp dụng thêm tiêu chuẩn ISO 13485:2016 & ISO 7886-1:2017. Nhà máy dược phẩm, nhà máy Capsule được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt sản xuất (GMP), thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP) và thực hành tốt bảo quản (GSP) đối với cơ sở sản xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc. Kho dược phẩm được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) và thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Kho Capsule được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt phân phối nguyên liệu làm thuốc (GDP).
 - Công ty áp dụng công nghệ sản xuất sạch và phù hợp trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm-capsule-dụng cụ y tế, ít phế thải, giảm tiêu hao nguyên vật liệu thông qua việc đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, cao tốc.
 - Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quản lý chặt chẽ hoạt động hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn về môi trường.
 - Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng.

5. Các rủi ro:

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành - Thuốc có thể bị thu hồi do liên quan đến chất lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng đầu tư, tăng sản lượng sản xuất, kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất, kinh

	<ul style="list-style-type: none"> - Thuốc chịu sự quản lý về giá nên Công ty gặp khó khăn trong việc điều chỉnh giá bán khi giá nguyên liệu đầu vào biến động. - Có thể phát sinh việc sửa đổi Thông tư quản lý ngành được có thể ảnh hưởng đến công tác đấu thầu thuốc - Sản phẩm mới được cấp Giấy đăng ký lưu hành chậm ảnh hưởng kế hoạch phát triển sản phẩm 	<p>doanh... mục tiêu tạo ra sản phẩm chất lượng với giá thành cạnh tranh nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các khuyến cáo của các cơ quan quản lý đối với các công ty sản xuất thuốc, không để xảy ra việc thuốc bị thu hồi; Nâng cao hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất. - Tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số lớn và lợi nhuận cao. Cân đối chỉ số hàng tồn kho hợp lý thông qua việc khảo sát nắm bắt nhanh nhu cầu thị trường và điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp. - Thực hiện chiến lược phát triển bền vững thông qua việc đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất được phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP, mở rộng sản xuất Capsule giai đoạn 5; Nhà máy TBYT Benovas.
Rủi ro từ chuỗi cung ứng	Chi phí hậu cần tăng, phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu nên chịu ảnh hưởng từ yếu tố bên ngoài như biến động tỷ giá, lãi suất vay, nguồn hàng cung cấp...	Kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tìm kiếm, đa dạng nhà cung cấp với giá cạnh tranh nhất, đạt tiêu chuẩn, ổn định nguồn cung, đúng nguồn đã đăng ký với Cục quản lý Dược.
Rủi ro về các khoản phải thu	Một số khách hàng không có khả năng thanh toán, không thanh toán đúng hạn, công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu ảnh hưởng đến lợi nhuận.	Xây dựng hạn mức nợ cho từng nhóm khách hàng, nắm thông tin về tình hình tài chính, tình hình hoạt động của khách hàng và có kế hoạch thu hồi nợ đúng hạn, hạn chế thấp nhất nợ khó đòi, nợ quá hạn
Rủi ro về môi trường	Các loại chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ rò rỉ ra môi trường làm môi trường xung quanh bị ô nhiễm	Có biện pháp quản lý hệ thống nhà chứa tối ưu nhất để nếu có xảy ra sự cố sẽ thu gom và xử lý được triệt để.
	Các thiết bị dùng trong các hệ thống xử lý chất thải nếu gặp sự cố làm hư hỏng nguy cơ các hệ thống xử lý chất thải này dừng hoạt động.	Có phương án thay thế các thiết bị cần thiết nếu gặp sự cố bất ngờ bằng cách đầu tư song song 2 thiết bị, 1 thiết bị vận hành và 1 thiết bị dự phòng cho các công đoạn xử lý chất thải quan trọng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

1.1. Kết quả sản xuất:

DVT: Triệu sản phẩm

Nhóm hàng	Thực hiện năm 2022	So với kế hoạch năm 2022		So với năm 2021	
		Kế hoạch	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện năm 2021	% tăng/giảm
Dược phẩm	822	997	82,4%	717	14,6%
Capsule	7.998	7.000	114,26%	6.404	24,9%
Dụng cụ y tế	91,4	111,69	81,8%	134,65	-32%
Tổng cộng	8.911,4	8.108,69	110%	7.255,65	22,9%

1.2. Kết quả kinh doanh:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ thực hiện 2022 so với kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	Tỷ lệ thực hiện 2022 so với 2021

Doanh thu thuần	1,015,686	845,510	120.13%	703,634	144.35%
Lợi nhuận gộp	282,101	254,532	110.83%	210,152	134.24%
Lợi nhuận trước thuế	141,542	133,653	105.90%	110,284	128.34%
Lợi nhuận sau thuế	112,914	106,922	105.60%	87,756	128.67%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã kiểm toán)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ thực hiện 2022 so với kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	Tỷ lệ thực hiện 2022 so với 2021
Doanh thu thuần	1,015,686	845,510	120.13%	703,634	144.35%
Giá vốn	733,585	590,977	124.13%	493,482	148.65%
Lợi nhuận gộp	282,101	254,532	110.83%	210,152	134.24%
Doanh thu tài chính	52,992	85,868	61.71%	59,674	88.80%
Chi phí tài chính	39,830	71,998	55.32%	36,567	108.92%
Chi phí bán hàng	104,007	78,516	132.47%	74,481	139.64%
Chi phí quản lý	49,809	56,234	88.57%	48,890	101.88%
Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	141,447	133,653	105.83%	109,888	128.72%
Lợi nhuận trước thuế	141,542	133,653	105.90%	110,284	128.34%
Lợi nhuận sau thuế	112,914	106,922	105.60%	87,756	128.67%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã kiểm toán)

- Doanh thu thuần đạt 120.13% so với kế hoạch và tăng 144.35% so với năm 2021, doanh thu vượt hơn kế hoạch đây là sự nỗ lực rất lớn của toàn bộ công ty, trong đó đóng góp chính là dược phẩm và Capsule. Ngoài ra trong năm công ty cũng đã đưa ra chiến lược kinh doanh và phát triển thêm lĩnh vực hàng nhập khẩu và nguyên liệu.
- Doanh thu vượt kế hoạch cùng với việc tiết kiệm chi phí dẫn đến lợi nhuận trước thuế đạt 105.9% so với kế hoạch năm 2022 và tăng 128.34% so với năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số lượng cổ phiếu sở hữu
1	Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	16/10/1970	Kỹ sư hàng hải, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	0
2	Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc PT tài chính	15/12/1976	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp	0
3	Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc sản xuất	05/05/1966	Đại học dược, Đại học quản trị kinh doanh	0

4	Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc PT Chuỗi cung ứng	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	0
5	Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	27/11/1977	Cử nhân tài chính ngân hàng	11

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Bà Vũ Thị Minh Hoài - TGD, người đại diện theo pháp luật	12/09/1988	ĐH Kinh tế Quốc dân - CN kế toán, CN Quản trị kinh doanh	Ngày miễn nhiệm: 31/08/2022
2	Ông Lương Trọng Hải - Giám đốc điều hành	16/10/1970	Kỹ sư hàng hải, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày miễn nhiệm: 01/09/2022
	Ông Lương Trọng Hải - TGD, người đại diện theo pháp luật	16/10/1970	Kỹ sư hàng hải, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 01/09/2022
3	Ông Trịnh Quốc Khánh - Phó TGDTC	02/09/1982	ĐH Bách Khoa Hà Nội	Ngày miễn nhiệm: 15/03/2022
4	Ông Nghiêm Xuân Trường - Giám đốc tài chính	15/12/1976	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp	Ngày miễn nhiệm: 01/03/2023
	Ông Nghiêm Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc PT tài chính	15/12/1976	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp	Ngày bổ nhiệm: 01/03/2023
5	Ông Nguyễn Ngọc Vinh - Phó TGDKD	03/01/1967	Đại học Dược, Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Ngày miễn nhiệm: 03/05/2022
6	Bà Trần Khiêm-Phó Tổng Giám đốc sản xuất	05/05/1966	Đại học dược, Đại học quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 01/04/2023
7	Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó TGD SX	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày miễn nhiệm: 01/04/2023
	Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó TGD PT Chuỗi cung ứng	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày bổ nhiệm: 01/04/2023

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
- Tổng số lao động của công ty cuối năm 2022 là 824 người. Trong đó, trình độ trên đại học: 14 người (2%); Đại học, cao đẳng 319 người (39%); trung cấp: 209 người (25%); sơ cấp và công nhân lành nghề: 282 người (34%).
 - Công ty luôn quan tâm và thực thi đầy đủ, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN và kiểm tra sức khỏe định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty còn mua thêm bảo hiểm kết hợp cho người lao động, chính sách Bảo hiểm sức khỏe cho trưởng, phó các bộ phận. Duy trì và thường xuyên cải thiện chất lượng bữa ăn giữa ca cho CB.CNV, với giá trị 20.000đ/1 suất ăn. Một số trường hợp không tổ chức được Nhà ăn, Công ty hỗ trợ bằng tiền mặt. Điều chỉnh mức đóng BHXH theo mức lương tối thiểu vùng II theo quy định của Nhà nước và làm căn cứ tính lương thời gian cho người lao động ở mức tối thiểu là 4.451.200 đồng.
 - Trong năm 2022 có tổng cộng 25 cuộc đào tạo, 13 cuộc đào tạo bên ngoài, 12 cuộc đào tạo nội bộ. Nội dung đào tạo: Đào tạo hội nhập cho 100% người lao động mới, đào tạo kỹ năng và hướng dẫn các quy trình hoạt động, vận hành máy móc thiết bị cho công nhân các Nhà máy. Triển khai và vận hành hệ thống ERP, triển khai phần mềm quản lý nhân sự, trao đổi

học tập thêm kinh nghiệm trong công tác quản lý và chuyên môn. Trong đó, đào tạo nội bộ 1.135 lượt người và đào tạo bên ngoài 657 lượt người. Tổng cộng: 1.792 lượt người.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2022 dự án mua sắm thiết bị Phòng sủi cho Nhà máy sản xuất Dược phẩm đã chính thức đưa vào sử dụng, làm tăng công suất hiện tại từ 17 triệu viên/ năm lên thành 67 triệu viên/ năm. Mục tiêu đáp ứng nhu cầu các sản phẩm thuốc Sủi, giúp đẩy mạnh quá trình thay đổi cơ cấu sản phẩm.
- Triển khai thực hiện đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU - GMP” và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 30/06/2022. Dự án có Tổng mức đầu tư 1,035 tỷ đồng, diện tích đất sử dụng 50.000 m². Công suất sản xuất dược phẩm của Nhà máy dự kiến đạt 1,6 tỷ sản phẩm/ năm; Dự án này đang trong giai đoạn cuối của việc đàm phán hợp đồng theo hình thức chia khóa trao tay, dự kiến khởi công trong quý 3/2023.
- Trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng viên nang rỗng (capsule): DCL đã thực hiện đầu tư “Mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 5” với tổng vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng, công suất 2,8 tỷ nang/ năm nhằm đáp ứng nhu cầu của tất cả khách hàng, thay thế hàng nhập khẩu, dự kiến đưa vào hoạt động trong quý 3/2023.
- Về cơ sở hạ tầng đã thực hiện đầu tư dự án “Kho dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP” với tổng vốn đầu tư 85 tỷ đồng, tổng diện tích xây dựng 2.227,6 m². Trong đó Kho dược phẩm có diện tích xây dựng là 1.692,60 m², với mục đích tăng hạ tầng khu vực sản xuất để phục vụ tăng doanh thu mảng Dược phẩm gấp đôi trong 5 năm tới. Tòa nhà R&D với mục đích đầu tư tăng cường mở rộng cơ sở vật chất cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.
- Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị y tế đang được tiến hành thi công. Dự kiến hoàn thành đưa vào hoạt động quý 3 năm 2023. Nhà máy với công suất thiết kế 300 triệu sản phẩm/năm tạo ra thêm dòng sản phẩm trang thiết bị y tế mới đáp ứng nhu cầu phục vụ chữa bệnh trong nước và xuất khẩu và góp phần cung cấp các sản phẩm thiết bị y tế đa dạng với tiêu chuẩn chất lượng cao phục vụ thị trường.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Nội dung giống mục 3 phần I của báo cáo này.

4. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	2.105.322.887.503	1.781.028.068.118	18,21%
Doanh thu thuần	1.015.685.512.758	703.634.340.577	44,35%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	141.447.374.505	109.887.661.276	28,72%
Lợi nhuận khác	94.190.866	396.440.624	-76,24%
Lợi nhuận trước thuế	141.541.565.371	110.284.101.900	28,34%
Lợi nhuận sau thuế	112.913.962.533	87.756.304.428	28,67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,77	2,57	44,76%
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1,34	2,00	49,14%
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,46	0,34	-26,17%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,85	0,51	-39,60%
Nợ phải trả	817.789.816.499	713.665.523.351	-12,73%
Tổng Tài sản	1.781.028.068.118	2.105.322.887.503	18,21%
Vốn chủ sở hữu	963.238.251.619	1.391.657.364.152	44,48%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,84	2,35	27,64%
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,39	0,52	33,02%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,12	0,11	-10,86%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,09	0,08	-10,94%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,05	8,85%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,16	0,14	-11,15%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 73.041.030 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 14.466.529 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông lớn	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	42.402.616	58,05

ST T	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn	42.402.616	58,05	01	01	0
	- Trong nước	42.402.616	58,05	01	01	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác					
	- Trong nước	29.675.203	40,63	2.500	17	2.483
	- Nước ngoài	963.211	1,32	56	13	43
TỔNG CỘNG		73.041.030	100	2.557	31	2.526
Trong đó: - Trong nước		72.077.819	98,68	2.501	18	2.483
- Nước ngoài		963.211	1,32	56	13	43

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 17/03/2023)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Thời gian	Đối tượng chào bán	Lý do tăng	Số lượng tăng	Giá trị tăng	Số lượng lũy kế	Giá trị lũy kế
Vốn điều lệ ban đầu	2005					5,600,000	56,000,000,000
Vốn điều lệ tăng thêm	2007	Cổ đông nội bộ, cổ đông bên ngoài	Phát hành nội bộ/ bán bên ngoài	2,500,000	25,000,000,000	8,100,000	81,000,000,000
	2008	Cổ đông hiện hữu	Chi cổ tức bằng cổ phiếu/ thưởng cổ phiếu; tỷ lệ 20:1	1,619,308	16,193,080,000	9,719,308	97,193,080,000
	2010	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	194,384	1,943,840,000	9,913,692	99,136,920,000
	2015	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	145,788	1,457,880,000	10,059,480	100,594,800,000
	2015	Cổ đông hiện hữu	Phát hành tỷ lệ 1:1	10,059,480	100,594,800,000	20,118,960	201,189,600,000
	2016	Cổ đông hiện hữu	Thưởng 100% bằng nguồn vốn chủ sở hữu	20,118,960	201,189,600,000	40,237,920	402,379,200,000
	2016	Cổ đông hiện hữu	Thưởng 40% bằng nguồn vốn chủ sở hữu	16,094,904	160,949,040,000	56,332,824	563,328,240,000
	2017	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	500,000	5,000,000,000	56,832,824	568,328,240,000
	2021	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	2,000,000	20,000,000,000	58,832,824	588,328,240,000
Vốn điều lệ hiện tại	2022	NĐTCKCN	Chào bán riêng lẻ	14,208,206	142,082,060,000	73,041,030	730,410,300,000

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: gián tiếp (khoảng 7.616.000 m³).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 620.863.004 kg.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

- 6.3. Tiêu thụ năng lượng:
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 16.268.800 Kw.
 - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.
 - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.
- 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): 105.723 m³
- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cấp nước Vĩnh Long.
 - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.
- 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động
- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng lao động bình quân trong năm 2022: 840 người.
 - Lương bình quân năm 2022: 9.508.000 đồng/người.
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Duy trì và thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN, BNTNLĐ, bệnh nghề nghiệp.
 - Hợp đồng bảo hiểm kết hợp con người cho tất cả người lao động; Riêng với cán bộ chủ chốt còn có thêm bảo hiểm sức khỏe.
 - Duy trì suất ăn giữa ca và hỗ trợ bằng tiền mặt cho người lao động, với giá trị: 20.000d/suất để nâng chất lượng bữa ăn giữa ca và hỗ trợ bằng tiền trong trường hợp người lao động làm việc ca 3, các trường hợp không dùng cơm tại nhà ăn Công ty.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập hồ sơ theo dõi và quản lý theo quy định. Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, phương tiện và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hiện đại.
 - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia sản xuất; Các thiết bị sản xuất luôn được hiệu chuẩn định kỳ, thiết bị an toàn PCCN được kiểm tra thường xuyên; Môi trường cây xanh, hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn. Chi trả độc hại cho nhân viên làm việc trong môi trường độc hại theo quy định.
 - Hoạt động đào tạo người lao động
 - Số giờ đào tạo trung bình năm 2022: 02 giờ/người. Các đối tượng thuộc Khối sản xuất và Kinh doanh. Trong đó, 100 nhân sự mới được đào tạo hội nhập, đào tạo kỹ năng và hướng dẫn các quy trình hoạt động, vận hành máy móc thiết bị cho công nhân các Nhà máy.
 - Trong đó, tập trung triển khai thực hiện quản lý bán hàng đối với nhân viên Khối kinh doanh. Đào tạo về thông tin sản phẩm thông qua các hội thảo chuyên môn. Đào tạo kỹ năng bán hàng, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên công ty kết hợp các hoạt động teambuilding.
 - Triển khai và vận hành hệ thống ERP, triển khai phần mềm quản lý nhân sự, trao đổi học tập thêm kinh nghiệm trong công tác quản lý và chuyên môn. Đào tạo về An toàn lao động, vệ sinh lao động nhóm: 2,4 và 6. Đào tạo về Văn hóa doanh nghiệp cho tất cả người lao động.
 - Cử cán bộ nhân viên các phòng ban chuyên môn RA, RD, QA, QC, HCNS,.... tham dự các khóa tập huấn nghiệp vụ, hội thảo chuyên đề, lớp giám đốc nhân sự.
- 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.
- Phong trào vận động đóng góp, tương trợ trong toàn Công ty được quán triệt đầy đủ và nhiệt tình hưởng ứng của tập thể CB.CNV. Dịch bệnh Covid-19 tác động đến toàn xã hội, Công ty luôn quan tâm và chủ động đóng góp, chia sẻ với cộng đồng, không chỉ đóng góp cho tỉnh Vĩnh Long mà cùng với Công ty mẹ, các Công ty thành viên đóng góp cho hoạt động phòng,

chống dịch trên các tỉnh thành trên cả nước như: Hồ Chí Minh, Hà Nội, các tỉnh miền Trung, miền Tây,... với số tiền hơn 7.754 triệu đồng

- Năm 2022 tặng quà cho gia đình chính sách tại Phường 5, hỗ trợ bếp ăn cho Phường 5, tặng quà cho gia đình chính sách tại Tam Bình, hỗ trợ khác từ thuốc cho Công ty bạn,... tại địa phương. Tổng số tiền là: 208,3 triệu đồng.
- 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Trong năm qua Công ty chưa tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Giống mục 1 phần II của báo cáo này.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Dược Cửu Long đã phản ánh rõ nét sức tăng trưởng mạnh mẽ. Cụ thể, doanh thu thuần vượt 20% so với kế hoạch, tăng 44% so với năm 2021, lợi nhuận trước thuế tăng 28% so với năm 2021. Để có được kết quả đáng tự hào trên, Dược Cửu Long đã nỗ lực không ngừng việc mở rộng sản xuất kinh doanh với nhiều dấu ấn quan trọng được xác lập trong năm 2022 như sau:

- Mạng lưới phân phối sản phẩm của DCL trải dài khắp các tỉnh thành trên cả nước gồm 11 chi nhánh, hơn 89 nhà phân phối, đại lý và vẫn đang tiếp tục mở rộng. Ngoài ra kênh ETC cũng đang cung cấp thuốc vào 763 bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Trung tâm y tế trên toàn quốc.

- Tăng trưởng nổi bật của ngành hàng Capsule vượt 46% so với năm 2021. Điều này đến từ việc nắm bắt kịp thời nhu cầu khách hàng và cùng với xu hướng tăng trưởng của ngành dược, thay thế sản phẩm nang nhập khẩu trong giai đoạn dịch bệnh. Dịch vụ chăm sóc khách hàng vượt trội nên doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng mạnh.

- Đối với kênh OTC, ngoài phát triển thị trường bán lẻ, DCL đã đưa sản phẩm của công ty vào hệ thống các chuỗi nhà thuốc như Pharmacity, Long Châu,... . Đội ngũ Trình Dược Viên có kinh nghiệm được bổ sung liên tục và thực hiện huấn luyện đào tạo thường xuyên nhằm mục đích mở rộng khách hàng quầy thuốc, nhà thuốc trên khắp cả nước. Ngoài ra, để tiếp cận trực tiếp đến khách hàng qua kênh online, giúp các đơn vị nhà thuốc, quầy thuốc,... và người dùng sản phẩm dễ dàng tìm kiếm thông tin sản phẩm DCL, Benovas đã làm việc với đối tác để đưa thông tin sản phẩm của công ty lên hệ thống *wesite thuocsi.vn* và nhiều trang thông tin khác.

- Đối với Kênh ETC, DCL trực tiếp tham gia thầu và trúng thầu với quy mô lớn, nhỏ khác nhau tại các sở y tế, cung cấp sản phẩm của công ty đến hầu hết các bệnh viện, trung tâm y tế trên cả nước. Nhìn chung việc tăng trưởng của ngành hàng dược phẩm qua kênh OTC và ETC có nhiều cải thiện so với năm trước, giúp công ty tăng trưởng doanh thu và đạt lợi nhuận. Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo vẫn giữ phương châm kinh doanh hài hòa lợi ích doanh nghiệp và khách hàng, bệnh nhân khi đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bệnh viện trong giai đoạn dịch bệnh, khó khăn và cơ chế quản lý ngành y tế còn nhiều bất cập.

- Năm 2022, DCL đã trúng thầu thuốc điều trị ung thư tại các bệnh viện lớn như: Bệnh viện Huyết học Truyền máu Trung Ương, Bệnh viện Ung Bướu, Bệnh viện 175, Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Nguyễn Trãi, Bệnh viện Bình Dân,... Tổng giá trị trúng thầu gần 200 tỷ đồng. Từ khi DCL tham gia thầu cung cấp thuốc chữa bệnh cho các bệnh viện đã giúp bệnh nhân giảm được chi phí điều trị và nhà nước tiết kiệm được ngân sách chi trả của cơ quan Bảo hiểm y tế. Điều này góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mảng DP trong năm 2022 tăng 50% doanh thu so với 2021. Ngoài ra Công Ty cũng đã đưa ra thị trường sản phẩm thuốc điều trị trầm cảm SERTRALIN 50 USP nhận được nhiều phản hồi tích cực của các bệnh viện, phòng khám.

- Mảng kinh doanh hàng hoá thương mại như kit test covid và nguyên liệu làm thuốc đã góp thêm 5% vào doanh thu chung của DCL năm 2022 và đây cũng là một trong những hướng kinh doanh các sản phẩm liên quan trong ngành để xây dựng kế hoạch kinh doanh mới cho các năm sau.
2. *Tình hình tài chính*
- a) *Tình hình tài sản*
- Tổng tài sản tăng từ 1.781 tỷ lên 2.105 tỷ tương ứng tỷ lệ tăng 18,19%. Các khoản phải thu khác tăng 167,7 tỷ tăng lên 477,30 tương ứng tăng 184,62%, chủ yếu tăng khoản hợp đồng hợp tác đầu tư. Tình hình công nợ phải thu trong năm 2022 tăng 48,33 tỷ do doanh số bán tăng.
- b) *Tình hình nợ phải trả*
- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:
Hệ số thanh toán nhanh năm 2022 là 2.00 so với năm 2021 là 1.34 tăng 49.14% luôn duy trì mức tốt trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ của công ty
 - Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.
Công ty không có nợ phải trả quá hạn.
3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*
- Tinh gọn bộ máy quản lý, cơ cấu tổ chức được sắp xếp phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Sắp xếp nhân sự bán hàng OTC brand kết hợp các chi nhánh. Đánh giá và phân công nhiệm vụ nhân sự phù hợp yêu cầu và năng lực của từng cá nhân.
 - Điều chỉnh, lập mới các SOP của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Mở rộng kênh phân phối, đưa sản phẩm của công ty vào hệ thống các chuỗi nhà thuốc như Pharmacity, Long Châu,...
 - Ký kết hợp đồng với đối tác chiến lược Canada để phân phối thuốc điều trị ung thư, nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thuốc điều trị Covid-19,..
 - Hệ thống chất lượng cả Công ty áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Riêng Vikimco áp dụng thêm tiêu chuẩn ISO 13485:2016 & ISO 7886-1:2017. Nhà máy dược phẩm, nhà máy Capsule đạt chuẩn GMP-WHO, Kho dược phẩm đạt chuẩn GDP và GSP, Kho Capsule đạt chuẩn GDP.
4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*
- Thực hiện chiến lược phát triển bền vững, tăng doanh thu, lợi nhuận thông qua các dự án đầu tư, xây dựng khi hoàn thành và đưa vào sử dụng:
- Mở rộng nhà máy sản xuất capsule giai đoạn 5
 - Nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas
 - Kho dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP
 - Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn EU-GMP.
5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):*
- Ngày 30/03/2023, Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long đã công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Trong báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty, đơn vị kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán vấn đề cần nhấn mạnh như sau:
- "Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đến thuyết minh số VII.3 và VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính về việc Công ty điều chỉnh hồi tố với các khoản bồi thường Bộ y tế theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty đã nộp đơn kháng cáo về trách nhiệm dân sự*

vào ngày 22/12/2022 và Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã thông báo tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty vào ngày 27/12/2022".

Công ty giải trình ý kiến của kiểm toán như sau:

Ngày 11/04/2023 Công ty nhận được bản án phúc thẩm số 196/2023/HIS-PT ngày 27/03/2023 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Hà Nội:

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: buộc Công ty bồi thường cho Bộ Y Tế số tiền 58.176.112.848 đồng.
 - Về các quan hệ dân sự, kinh tế khác: Công ty có quyền yêu cầu các bị cáo và những người thừa kế của bị cáo, các cá nhân, pháp nhân khác có liên quan hoàn trả số tiền Công ty đã bồi thường cho Bộ Y Tế theo quy định của pháp luật. Nếu có tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):
- Tất cả các nhà máy của công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về luật môi trường:
- Các nhà máy của công ty đã được cấp các quyết định phê duyệt về báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số: 385/QĐ.UBT ngày 25-02-1999; Quyết định số: 945/QĐ.UBT ngày 10-05-2007; Quyết định số: 185/CV.UBT ngày 03-04-1996; Quyết định số: 260/QĐ.UBT ngày 14-02-2017; các quyết định phê duyệt v/v thay đổi Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Môi Trường.
 - Có hệ thống xử lý nước thải tại tất cả các nhà máy. Các hệ thống xử lý nước thải được cấp giấy phép xả thải số: 2390/GP-UBND ngày 01-11-2018; 2389/GP-UBND ngày 01-11-2018.
 - Các công trình xử lý chất thải của các nhà máy đã được cấp Giấy Xác Nhận Việc Đã Thực Hiện Các Công Trình, Biện Pháp Bảo Vệ Môi Trường: Số 135/GXN-STNMT ngày 24-01-2014; Số 136/GXN-STNMT ngày 24-01-2014.
 - Xử lý chất thải rắn theo đúng quy định của luật bảo vệ môi trường hiện hành. Được cấp Sổ Chủ Nguồn Thải Chất Thải Nguy Hại với mã số Quản Lý Chất Thải Nguy Hại: 86.000032.T ngày 25-12-2014; 86.000033.T ngày 11-07-2014. Hợp đồng với đơn vị đầy đủ chức năng thực hiện thu gom, xử lý đúng theo quy trình. Thực hiện đầy đủ chứng từ về Chất Thải Nguy Hại. Năm 2022 công ty không để bị xử phạt về môi trường.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
- Tổ chức triển khai kế hoạch, mục tiêu của Công ty đến các đơn vị, cá nhân. Từng đơn vị, cá nhân xây dựng, đăng ký và cam kết với Ban lãnh đạo nội dung công việc của mình trong năm 2022. Từng đơn vị, cá nhân đăng ký KPIs sát hợp với mục tiêu sản xuất-kinh doanh của Công ty để cùng phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.
 - Chính sách thu nhập ở các vị trí khối được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo ngân sách, theo năng lực. Điều chỉnh lương đóng BHXH từ vùng III lên lương tối thiểu vùng II và điều chỉnh nâng bậc lương theo thâm niên,.. đã giúp cho người lao động phấn khởi, tin tưởng, gắn bó và hoàn thành nhiệm vụ được giao.
 - Chính sách hỗ trợ người lao động bị Covid được duy trì thực hiện, hỗ trợ suất ăn, phụ cấp độc hại,.. cho người lao động. người lao động được tổ chức khám sức khoẻ định kỳ, được tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động thi đua tại Công ty (phong trào Kaizen khối sản xuất).
 - Bên cạnh đó, Công ty còn đánh giá việc sắp xếp lao động tại các Nhà máy, bố trí phù hợp với tình hình hoạt động, hệ thống thiết bị sản xuất tại các Nhà máy, tối ưu hóa hoạt động sản xuất để nâng cao năng suất, hiệu quả lao động và cải thiện thu nhập của người lao động
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện đúng các quy định của các cơ quan quản lý, của Cục Quản lý dược, Sở y tế Vĩnh Long...Thực hiện đúng các quy chế, quy định...do Hội đồng quản trị ban hành
 - Thực thi tốt công tác bảo vệ môi trường, thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường, Quản lý chặt chẽ hoạt động hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn về môi trường.
 - Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng.
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*
- Tuân thủ việc công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu đối với công ty niêm yết đầy đủ và kịp thời. Quan tâm đến lợi ích của cổ đông, cung cấp thông tin cho cổ đông theo quy định.
 - Trong năm HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, linh hoạt trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước, của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Điều lệ Công ty. Tập trung vào các vấn đề sau:
 - Nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới, tập trung đầu tư các sản phẩm thử tương đương sinh học;
 - Nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất thông qua việc trang bị bổ sung máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại, cao tốc tại các nhà máy;
 - Điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp tình hình thị trường từng thời điểm; các giải pháp để đạt doanh số mục tiêu;
 - Quản lý tài chính hiệu quả, kiểm soát chi phí theo kế hoạch ngân sách được phê duyệt từ đầu năm.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

Đối với khối ngành Dược phẩm:

- Với hơn 46 năm đầu tư và phát triển cùng với hơn 135 số đăng ký đã được phê duyệt, các sản phẩm thuốc được sản xuất bởi Dược Cửu Long đã và đang mang lại niềm tin cho khách hàng trên thị trường bởi chất lượng và giá cả hợp lý. Ngoài danh mục hiện có, từ năm 2021, DCL đã nhập khẩu sản phẩm thuốc điều trị ung thư BENIVATIB 100 và BENIVATIB 400, đưa sản phẩm ra thị trường. Sản phẩm này đã cung ứng cho các Bệnh viện trong 2022 để phục vụ nhu cầu điều trị cho các bệnh nhân, góp phần tăng khả năng lựa chọn thuốc và giảm chi phí điều trị cho người bệnh. Năm 2023 tiếp tục duy trì khả năng cạnh tranh và cung ứng sản phẩm này. Ngoài ra, dự kiến tăng cường hợp tác với các đối tác để phân phối thêm các sản phẩm nhập khẩu, giúp đóng góp thêm doanh thu cho mảng kinh doanh dược phẩm của Công ty.
- Mới đây vào ngày 30/06/2022, Dược Cửu Long đã tiếp nhận Quyết định và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP do Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Long An cấp. Đây là một trong những dự án tiêu biểu của tỉnh với mức tổng vốn đầu tư 1,035 tỷ đồng, với quy mô 50.000 m². Công suất sản xuất thuốc, dược phẩm của nhà máy đạt 1,6 tỷ sản phẩm/năm. Dự án này đang trong giai đoạn cuối của việc đàm phán hợp đồng theo hình thức chìa khóa trao tay, dự kiến khởi công trong quý 3/2023.

Đối với khối ngành sản xuất dụng cụ y tế:

- Với hơn 20 loại sản phẩm khác nhau đạt chất lượng tốt được tin dùng, có mặt ở hầu hết các bệnh viện lớn, các phòng khám trên cả nước. Ngoài nhà máy đang có, Công ty đã và đang đầu tư thêm 1 nhà máy sản xuất thiết bị y tế với diện tích 10.846,6 m², vốn đầu tư xấp xỉ 15 triệu USD, chia làm 2 giai đoạn, trong đó giai đoạn 1 có công suất 35 triệu sản phẩm/tháng, giai đoạn 2 công suất 20 triệu sản phẩm/tháng tại Vĩnh Long. Nhà máy này theo kế hoạch sẽ hoàn thành và đi vào vận hành trong quý 3/2023, đặt mục tiêu để trở thành doanh nghiệp dược hàng đầu Việt Nam về sản xuất dược phẩm và dụng cụ, trang thiết bị y tế thông qua việc không

ngừng nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm mới, sở hữu hệ thống máy móc tiên tiến, hiện đại.

Đối với khối ngành sản xuất viên nang rỗng:

- Nhà máy sản xuất Capsule chuyên sản xuất viên nang rỗng với nhiều chủng loại, kích cỡ, đáp ứng nhu cầu cho ngành dược phẩm và thực phẩm chức năng cung cấp hơn 80% thị phần tại Việt Nam.
- Qua đó Dược Cửu Long tiếp tục giữ vững vị thế số 1 về thị phần nang rỗng tại Việt Nam. Các nhà máy của Công ty đều được trang bị công nghệ tiên tiến được nhập từ Canada và đang trong tình trạng hoạt động hết công suất để đáp ứng đơn hàng trong và ngoài nước, trước bối cảnh nhu cầu viên nang rỗng (capsule) cho ngành dược phẩm và thực phẩm chức năng đang ngày một tăng cao. Công ty hiện đang đầu tư mở rộng giai đoạn 5 với mức vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng, công suất 2,8 tỷ nang/năm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và theo sau là sự tăng trưởng của ngành dược trong nước, dự kiến quý 3/2023 sẽ đi vào hoạt động. Hai dự án đầu tư mở rộng capsule và xây mới Nhà máy sản xuất thiết bị y tế sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng, dự kiến vào năm tiếp theo doanh thu hợp nhất của DCL đạt 1.400 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 180 tỷ đồng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DCL cuối kỳ	Chức vụ tại tổ chức khác
1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	0	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	CT HĐQT
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		0	CT HĐQT
	Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm		0	CT HĐQT, TGD
	Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn		0	Chủ tịch công ty
	Công ty cổ phần Cap Padaran Mùi Dinh		0	CT HĐQT
2	Bùi Hồng Hạnh	TV HĐQT không điều hành	0	
	Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ		0	Người được UQ CBTT và Người PT quản trị CT
	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	Người được UQ CBTT và Người PT quản trị CT
	Công Ty Cổ Phần Thuốc Ung Thư Benovas		0	TV HĐQT
3	Nguyễn Ngọc Bích	TV HĐQT không điều hành	0	
	Công ty cổ phần đầu tư Dũng Tâm		0	TV HĐQT, Phó TGD
	Công ty cổ phần FIT Consumer		0	CT HĐQT
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		0	TV HĐQT
	Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas		0	CT HĐQT
4	Nguyễn Ninh Dũng	TV HĐQT không điều hành	0	

	Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Tâm		0	TV HĐQT
	Công ty cổ phần Cap Padaran Mùi Đình		0	TV HĐQT
5	Tướng Thị Thu Hạnh	TV HĐQT độc lập	0	
	Văn phòng đại diện AWR Lloyd Limited tại TP. Hồ Chí Minh		0	Người đại diện theo pháp luật

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã tổ chức họp định kỳ theo quy định và các cuộc họp bất thường trong năm. Các cuộc họp với nội dung chính là triển khai thực hiện những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua, bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự chủ chốt, tình hình sản xuất kinh doanh tháng/quý, định hướng phát triển..., đồng thời họp cùng Ban TGD về chiến lược phát triển sản phẩm mới, chiến lược kinh doanh, đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, thông qua OGSM, ngân sách hoạt động của công ty.
- Để thực hiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ đến các thành viên HĐQT. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng, đem hết năng lực và tâm huyết của mình đóng góp cho sự phát triển của công ty.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty để đưa ra các định hướng và quyết định phù hợp từng thời điểm, mục tiêu đạt và vượt doanh thu, lợi nhuận.
- Chú trọng lợi ích của cổ đông, thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời định kỳ và bất thường.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT	20/01/2022	Thông qua việc sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐQT ngày 29/12/2021	100%
2	Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT	02/03/2022	Thông qua thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ	100%
3	Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT	15/03/2022	Thông qua việc thôi chức vụ Phó Tổng Giám đốc tài chính đối với ông Trịnh Quốc Khánh và bổ nhiệm ông Nghiêm Xuân Trường giữ chức vụ Giám đốc tài chính	100%
4	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT	15/03/2022	Thông qua việc xử lý cổ phiếu chào bán riêng lẻ nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không mua hết	100%
5	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT	17/03/2022	Thông qua báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ và một số nội dung thuộc thẩm quyền	100%
6	Quyết định số 03/QĐ-HĐQT	28/03/2022	Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ, sửa đổi Điều lệ	100%
7	Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐQT	21/04/2022	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
8	Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐQT	29/04/2022	Thông qua việc thôi chức vụ Phó Tổng Giám đốc kinh doanh đối với ông Nguyễn Ngọc Vinh	100%
9	Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐQT	01/06/2022	Thông qua việc bổ nhiệm ông Lương Trọng Hải giữ chức vụ Giám đốc điều hành	100%
10	Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua việc bầu ông Nguyễn Văn Sang là Chủ tịch HĐQT	100%

11	Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐQT	11/07/2022	Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022	100%
12	Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐQT	29/07/2022	Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT- giao dịch với những bên có liên quan	100%
13	Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT	31/08/2022	Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty	100%
14	Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐQT	03/11/2022	Thông qua giao dịch với bên có liên quan - Công ty CP XNK Y tế Domesco	100%
15	Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐQT	23/11/2022	Thông qua việc hủy bỏ các nội dung không phù hợp với quy định pháp luật trong BB, NQ HĐQT giai đoạn 2006-2008	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của thành viên HĐQT Công ty trong năm 2022 cụ thể như sau:

- Trong năm 2022, HĐQT đã thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy nhân sự.
- HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty. Đây cũng chính là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào sự phát triển vững chắc của Công ty.
- Các thành viên HĐQT là những người am hiểu các ngành nghề hoạt động và có nhiều kinh nghiệm nên đã đóng góp được nhiều ý kiến xác đáng, mang lại hiệu quả cao cho công tác quản lý Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong việc xử lý các vấn đề khó khăn trong hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát theo dõi sát sao, nhằm đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty.
- Xét tổng quan, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, hướng tới mục tiêu cao nhất là đem lại giá trị, lợi ích cho cổ đông.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DCL cuối kỳ
1	Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	0
2	Bà Phạm Thị Huệ	TV BKS	0
3	Bà Lê Thị Thương	TV BKS	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- BKS tham dự đa phần các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHCĐ thường niên. Trong năm 2022, BKS đã tổ chức và họp thành công 04 cuộc họp để thảo luận và thông

qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Trong đó có 01 cuộc họp của BKS nhiệm kỳ cũ và 03 cuộc họp của BKS nhiệm kỳ mới.

- BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, năm; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.
- BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.
- Việc phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGD được thực hiện hiệu quả. BKS đã được HĐQT và BGD tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của BKS.
- Bên cạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát còn thực hiện các công việc sau:
 - + Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của công ty.
 - + Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
 - + Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty.
 - + Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của công ty.
 - + Tham gia giám sát, phản biện các dự án đầu tư của công ty.
 - + Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kinh doanh 2023 và các mục tiêu hoạt động khác của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Năm 2022	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 14/6/2022)	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT (đến ngày 14/6/2022)	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT (từ ngày 14/6/2022)	-	26.000.000	26.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT (từ ngày 14/6/2022)	-	26.000.000	26.000.000
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT (từ ngày 14/6/2022)	-	26.000.000	26.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS (đến ngày 14/6/2022)	-	16.500.000	16.500.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS (đến ngày 14/6/2022)	-	30.500.000	30.500.000
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên BKS (từ ngày 14/6/2022)	-	13.000.000	13.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS (từ ngày 14/6/2022)	-	13.000.000	13.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS (đến ngày 14/6/2022)	-	11.000.000	11.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/9/2022)	602.350.000	-	602.350.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	50.000.004	-	50.000.004

Năm 2022	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Trịnh Quốc Khánh	(đến ngày 01/9/2022) Phó Tổng Giám đốc	280.020.000	-	280.020.000
Ông Võ Xuân Vinh	(đến ngày 15/3/2022) Phó Tổng Giám đốc	51.425.000	-	51.425.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	(đến ngày 01/01/2022) Phó Tổng Giám đốc	113.269.000	-	113.269.000
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	(đến ngày 03/5/2022) Phó Tổng Giám đốc	314.956.511	-	314.956.511
Cộng		1.412.020.515	314.000.000	1.726.020.515

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không phát sinh.
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không phát sinh.
d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện đúng các quy định theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị thông qua việc cập nhật các Nghị định, Thông tư, Hướng dẫn mới...

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Công ty kiểm toán lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đến thuyết minh số VII.3 và VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính về việc Công ty điều chỉnh hồi tố với các khoản bồi thường Bộ y tế theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty đã nộp đơn kháng cáo về trách nhiệm dân sự vào ngày 22/12/2022 và Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã thông báo tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty vào ngày 27/12/2022.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán được công bố trên Hose, UBCKNN và website công ty: <http://dcl.com.vn>.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lương Trọng Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 9 năm 2022 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2022
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2022
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022) và Ông Lương Trọng Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Lương Trọng Hải

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



A & C

www.a-c.com.vn

Số: 2.0252/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

2023
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM
CỬU LONG
NH L

15-002-C
HÀNH
CÔNG TY
M HỮU H
VÀ TỬ V
& C
HÀ NỘI
A - TP. H

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.3 và VIII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty mẹ đã điều chỉnh hồi tố đối với khoản phải bồi thường Bộ Y tế theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty mẹ đã nộp đơn kháng cáo về trách nhiệm dân sự vào ngày 22/12/2022 và Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội thông báo đã tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty mẹ vào ngày 27/12/2022.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.422.244.637.211	1.261.155.476.594
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52.851.714.658	41.255.262.412
1. Tiền	111		52.851.714.658	14.909.317.207
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	26.345.945.205
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		248.495.032.420	516.893.100.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	94.795.000.000	70.270.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	153.700.032.420	446.623.100.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		776.382.287.481	372.663.989.883
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	251.993.652.048	203.660.084.392
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	104.790.547.920	57.622.259.137
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	477.303.701.054	167.682.701.994
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(57.705.613.541)	(56.301.055.640)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		315.080.042.466	308.196.486.695
1. Hàng tồn kho	141	V.7	320.243.529.424	310.485.147.629
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(5.163.486.958)	(2.288.660.934)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.435.560.186	22.146.637.604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.708.716.212	1.659.728.461
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.406.747.819	18.169.015.906
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	320.096.155	2.317.893.237
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		683.078.250.292	519.872.591.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		854.500.000	374.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	854.500.000	374.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		464.221.264.140	486.468.339.350
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	422.618.292.933	465.317.485.173
<i>Nguyên giá</i>	222		875.022.166.872	894.535.700.933
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(452.403.873.939)	(429.218.215.760)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	20.619.306.398	-
<i>Nguyên giá</i>	225		20.968.786.167	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(349.479.769)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	20.983.664.809	21.150.854.177
<i>Nguyên giá</i>	228		22.373.057.579	22.373.057.579
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.389.392.770)	(1.222.203.402)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	206.221.867.728	25.712.069.500
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		206.221.867.728	25.712.069.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.780.618.424	7.317.682.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.848.614.934	4.896.521.485
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	5.932.003.490	2.421.161.189
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.105.322.887.503	1.781.028.068.118

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		713.665.523.351	817.789.816.499
I. Nợ ngắn hạn	310		554.067.518.856	711.228.796.867
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	36.751.259.995	31.116.775.621
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.768.486.946	1.243.835.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	14.061.349.039	6.538.830.826
4. Phải trả người lao động	314		19.278.768.561	16.392.237.987
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	27.177.368.411	9.469.193.491
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	96.453.185.045	248.877.688.545
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	353.993.645.306	393.736.084.925
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.583.455.553	3.854.149.642
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		159.598.004.495	106.561.019.632
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	159.598.004.495	106.561.019.632
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.391.657.364.152	963.238.251.619
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.391.657.364.152	963.238.251.619
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	588.328.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	588.328.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	7.235.773.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		422.843.538.261	316.281.771.963
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		314.281.771.963	316.281.771.963
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		108.561.766.298	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.024.495.298	51.372.299.063
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.105.322.887.503	1.781.028.068.118


Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm Minh Thương

Tổng Giám đốc




Lương Trọng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.036.161.984.911	715.486.224.953
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20.476.472.153	11.851.884.376
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.015.685.512.758	703.634.340.577
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	733.585.167.845	493.482.286.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		282.100.344.913	210.152.053.982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	52.991.799.386	59.673.763.675
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	39.829.651.630	36.566.954.695
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.283.010.813	31.510.829.843
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	104.006.556.577	74.481.402.601
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	49.808.561.587	48.889.799.085
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		141.447.374.505	109.887.661.276
12. Thu nhập khác	31		864.602.475	753.058.200
13. Chi phí khác	32		770.411.609	356.617.576
14. Lợi nhuận khác	40		94.190.866	396.440.624
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		141.541.565.371	110.284.101.900
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	32.138.445.139	21.195.510.374
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.510.842.301)	1.332.287.098
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>112.913.962.533</u>	<u>87.756.304.428</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>111.640.895.900</u>	<u>85.960.657.177</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>1.273.066.633</u>	<u>1.795.647.251</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.591</u>	<u>1.460</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.591</u>	<u>1.460</u>

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Tổng Giám đốc



Lương Trọng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	141.541.565.371	110.284.101.900		
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9,10,11	38.134.506.674	34.273.314.797		
- Các khoản dự phòng	03	4.279.383.925	6.503.618.237		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	64.668.538	16.712.558		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.617.401.269)	(43.736.954.734)		
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	36.283.010.813	31.510.829.843		
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	194.685.734.052	138.851.622.601		
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(384.124.156.721)	(105.671.246.652)		
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.758.381.795)	(83.805.257.229)		
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(161.825.512.036)	214.295.075.129		
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.001.081.200)	3.380.327.174		
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(24.525.000.000)	(70.270.000.000)		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(35.990.911.014)	(33.236.851.957)		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(25.261.012.816)	(33.439.720.402)		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(2.270.694.089)	(666.800.000)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(450.071.015.619)	29.437.148.664		
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(233.028.447.600)	(152.611.638.503)		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	250.122.278	-		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(179.700.032.420)	(788.623.100.000)		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	472.623.100.000	1.108.680.797.749		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.032.025.081	56.947.080.391		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	93.176.767.339	224.393.139.637		

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	355.205.150.000	20.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	1.218.897.859.353	2.427.583.530.837
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.205.603.314.109)	(2.702.030.731.306)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		368.499.695.244	(254.447.200.469)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.605.446.964	(616.912.168)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	41.255.262.412	41.877.931.541
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.994.718)	(5.756.961)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	52.851.714.658	41.255.262.412

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Lương Trọng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

- Ngày 25 tháng 3 năm 2022, Công ty đã mua thêm 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 99,98% từ ngày này.
- Ngày 10 tháng 11 năm 2022, Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn mua 2.900.000 cổ phần Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas từ cổ đông không kiểm soát với giá mua 37.700.000.000 VND tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại Công ty con này lên 84% kể từ ngày này.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,93%	99,98%	99,93%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Tầng 5, tòa nhà HACC1 Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	84%	55%	84%	55%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đang tạm ngưng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas: Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước
- Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Benovas: Hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm đầu tư tài chính (đầu tư các cổ phiếu chưa niêm yết và hợp đồng hợp tác kinh doanh)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 931 nhân viên đang làm việc tại Nhóm Công ty (số đầu năm là 959 nhân viên).

II. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, giữa các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng.

125
G
PH
CP
UL
VT
18
IN
ON
NH
JAN
A
AF
DA

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh của Công ty là chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhóm Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp đích danh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các hợp đồng hợp tác đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm mục đích hưởng lợi nhuận vào thời điểm đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao là 5 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 -10 năm.

Bản sắc thương hiệu

Bản sắc thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyên giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	34.905.135	429.169.865
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.816.809.523	14.480.147.342
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	26.345.945.205
Cộng	52.851.714.658	41.255.262.412

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt ⁽ⁱⁱ⁾	17.025.000.000	-	17.025.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.770.000.000	-	20.745.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ ^(iv)	5.250.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam ^(v)	5.250.000.000	-	-	-
Cộng	94.795.000.000	-	70.270.000.000	-

(i) Tại ngày 31/12/2022, Nhóm Công ty nắm giữ 2.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam, tương ứng 9,62% vốn điều lệ (số cuối năm không thay đổi so với đầu năm)

(ii) Tại ngày 31/12/2022, Nhóm Công ty nắm giữ 1.135.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt, tương ứng 7,57% vốn điều lệ (số cuối năm không thay đổi so với đầu năm)

(iii) Tại ngày 31/12/2022, Nhóm Công ty nắm giữ 2.318.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng, tương ứng 19% vốn điều lệ (số đầu năm 11,34%)

(iv) Tại ngày 31/12/2022, Nhóm Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu của Công ty Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ, tương ứng 10% vốn điều lệ (số đầu năm 0%)

(v) Tại ngày 31/12/2022, Nhóm Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu của Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam, tương ứng 10% vốn điều lệ (số đầu năm 0%)

Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường. Nhóm Công ty không đánh giá giá trị hợp lý và trích lập dự phòng do không có đủ thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	139.700.032.420	238.361.100.000
Chứng chỉ tiền gửi ⁽ⁱⁱ⁾	14.000.000.000	208.262.000.000
Cộng	153.700.032.420	446.623.100.000

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 5% đến 8,3%/năm.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất 7,00%/năm.
Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.18).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	7.337.349.075	168.168.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	7.337.349.075	168.168.000
Phải thu các khách hàng khác	244.656.302.973	203.491.916.392
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	14.778.235.395	7.145.437.275
Bệnh viện Ung Bướu	6.424.095.000	184.981.500
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế và Dược phẩm Hoàn Cầu	4.696.299.400	6.000.068.750
Bệnh viện Truyền máu Huyết học	14.169.174.600	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	9.234.817.560	6.328.248.300
Các khách hàng khác	178.924.783.519	167.404.283.068
Cộng	251.993.652.048	203.660.084.392

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	19.660.806.813	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	19.660.806.813	-
Trả trước cho người bán khác	85.129.741.107	57.622.259.137
Growena Impex Company	9.992.687.271	30.623.047.678
Công ty cổ phần Confitech Cửu Long	9.250.000.000	7.250.000.000
Segae Precision Co., Ltd	-	6.829.481.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	35.076.789.032	-
Công ty TNHH Akums Drugs And Pharmaceuticals ⁽ⁱⁱ⁾	11.481.898.135	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Đại Dũng III	4.241.952.000	-
Các nhà cung cấp khác	15.086.414.669	12.919.730.459
Cộng	104.790.547.920	57.622.259.137

(i) Trả trước tiền để mua máy sản xuất nang cứng với tổng giá trị theo hợp đồng là 138.270.000.000 VND, thời gian nhận hàng từ 7-8 tháng kể từ khi ký hợp đồng.

(ii) Trả trước tiền để mua thuốc với tổng giá trị theo hợp đồng là 584.720 USD, thời gian nhận hàng sau khi nhận tiền tạm ứng thì hàng hóa được xuất khẩu sang Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	9.040.710.137	-	585.761.420	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	8.853.710.137	-	-	-
Gốc	8.700.000.000	-	-	-
Lãi	153.710.137	-	-	-
Ông Võ Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	569.300.000	-
Ông Trịnh Quốc Khánh - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	1.461.420	-
Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	100.000.000	-	15.000.000	-
Ông Lương Trọng Hải - Giám đốc điều hành - Tạm ứng	50.000.000	-	-	-
Ông Nghiêm Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	37.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	468.262.990.917	(5.067.557.725)	167.096.940.574	(5.067.557.725)
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt ⁽ⁱ⁾	111.165.000.000	-	109.030.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống đồng ⁽ⁱ⁾	80.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	78.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam ⁽ⁱ⁾	165.420.000.000	-	-	-
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.614.234.663	-	12.278.980.753	-
Tiền lãi từ hợp tác đầu tư	16.642.143.470	-	2.286.623.151	-
Ký cược, ký quỹ	257.956.729	-	4.057.844.240	-
Tạm ứng	3.304.616.853	(689.833.740)	2.752.636.151	(689.833.740)
Thuế GTGT của tài sản thuế tài chính	1.325.925.926	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.727.513.276	(4.377.723.985)	6.685.256.279	(4.377.723.985)
Cộng	477.303.701.054	(5.067.557.725)	167.682.701.994	(5.067.557.725)

(i) Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, để đầu tư các dự án bất động sản, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất hình thành từ các dự án hợp tác đầu tư, Nhóm Công ty được hưởng lợi nhuận tối thiểu từ 7,1%-9%/năm (lợi nhuận tối thiểu năm trước 7,3%-9%/năm).

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng	68.151.507.940	(52.793.734.412)	61.484.433.480	(51.389.176.511)
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	(16.428.897.499)	16.428.897.499	(16.428.897.499)
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.976.554.629	(4.976.554.629)	4.976.554.629	(4.976.554.629)
MEDICAL SUPPLY Pharm Enterprise	3.303.752.851	(3.303.752.851)	3.303.752.851	(3.303.752.851)
Các khách hàng khác	43.442.302.961	(28.084.529.433)	36.775.228.501	(26.679.971.532)
Phải thu các khoản chi hộ	3.717.599.787	(3.717.599.787)	3.717.599.787	(3.717.599.787)
Phải thu tiền tạm ứng	631.890.415	(631.890.415)	631.890.415	(631.890.415)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Cộng	73.063.387.069	(57.705.613.541)	66.396.312.609	(56.301.055.640)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	56.301.055.640	52.400.801.329
Trích lập dự phòng	5.671.531.151	5.559.289.462
Hoàn nhập dự phòng	(4.266.973.250)	(1.659.035.151)
Số cuối năm	57.705.613.541	56.301.055.640

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.143.051.886	-	18.656.748.481	-
Nguyên liệu, vật liệu	142.461.007.278	(1.846.273.303)	118.793.761.729	(814.345.016)
Công cụ, dụng cụ	10.543.390.280	-	10.173.027.664	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	16.471.827.121	-
Thành phẩm	158.753.994.513	(3.213.415.907)	142.209.879.543	(1.394.166.976)
Hàng hóa	6.342.085.467	(103.797.748)	4.179.903.091	(80.148.942)
Cộng	320.243.529.424	(5.163.486.958)	310.485.147.629	(2.288.660.934)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 60.000.000.000 VND (số đầu năm là 60.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.288.660.934	9.099.976.658
Trích lập dự phòng bổ sung	2.874.826.024	2.597.014.123
Giảm khác (hủy hàng)	-	(9.408.329.847)
Số cuối năm	5.163.486.958	2.288.660.934

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	849.870.361	445.972.515
Chi phí bảo hiểm	439.107.303	312.925.229
Chi phí phần mềm	294.406.817	231.818.182
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	125.331.731	669.012.535
Cộng	<u>1.708.716.212</u>	<u>1.659.728.461</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.794.962.047	1.110.294.216
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.053.652.887	3.786.227.269
Cộng	<u>5.848.614.934</u>	<u>4.896.521.485</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	184.154.395.250	669.510.689.516	37.424.919.806	3.445.696.361	894.535.700.933
Mua trong năm	298.000.000	11.480.631.262	4.868.343.075	210.700.000	16.857.674.337
Thanh lý, nhượng bán	(3.000.257.921)	(29.885.716.135)	(2.313.490.752)	(1.171.743.590)	(36.371.208.398)
Số cuối năm	<u>181.452.137.329</u>	<u>651.105.604.643</u>	<u>39.979.772.129</u>	<u>2.484.652.771</u>	<u>875.022.166.872</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.844.609.308	242.441.211.451	8.945.968.110	1.071.870.540	263.303.659.409
Chờ thanh lý					-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	53.003.644.725	354.718.141.770	18.681.144.965	2.815.284.300	429.218.215.760
Khấu hao trong năm	7.333.644.622	27.169.850.408	2.840.268.866	274.073.641	37.617.837.537
Thanh lý, nhượng bán	(2.845.215.043)	(9.190.467.470)	(1.498.290.757)	(898.206.088)	(14.432.179.358)
Số cuối năm	<u>57.492.074.304</u>	<u>372.697.524.708</u>	<u>20.023.123.074</u>	<u>2.191.151.853</u>	<u>452.403.873.939</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	131.150.750.525	314.792.547.746	18.743.774.841	630.412.061	465.317.485.173
Số cuối năm	<u>123.960.063.025</u>	<u>278.408.079.935</u>	<u>19.956.649.055</u>	<u>293.500.918</u>	<u>422.618.292.933</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 298.565.670.884 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	20.968.786.167	-	20.968.786.167
Khấu hao trong năm	-	349.479.769	349.479.769
Số cuối năm	20.968.786.167	349.479.769	20.619.306.398

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí phần mềm	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	19.636.907.129	1.747.470.450	988.680.000	22.373.057.579
Số cuối năm	19.636.907.129	1.747.470.450	988.680.000	22.373.057.579

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

- 569.916.700

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	36.489.517	908.333.667	277.380.218	1.222.203.402
Khấu hao trong năm	-	117.755.376	49.433.992	167.189.368
Số cuối năm	36.489.517	1.026.089.043	326.814.210	1.389.392.770

Giá trị còn lại

Số đầu năm	19.600.417.612	839.136.783	711.299.782	21.150.854.177
Số cuối năm	19.600.417.612	721.381.407	661.865.790	20.983.664.809

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

-

Đang chờ thanh lý

-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.314.729.000	35.610.855.948	(36.206.684.948)	2.718.900.000
Xây dựng cơ bản dở dang	22.397.340.500	181.105.627.228	-	203.502.967.728
Công trình Nhà máy Vikimco ⁽ⁱ⁾	17.606.395.500	22.582.414.295	-	40.188.809.795
Chi phí đăng ký hồ sơ sản phẩm thuốc ung thư	4.790.945.000	-	-	4.790.945.000
Công trình Nhà máy tại Long An ⁽ⁱⁱ⁾	-	158.335.290.932	-	158.335.290.932
Dự án khác	-	187.922.001	-	187.922.001
Cộng	25.712.069.500	216.716.483.176	(36.206.684.948)	206.221.867.728

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Công trình nhà máy Vikimco theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2651067820 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 8 năm 2020 mục đích để sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế với tổng vốn đầu tư 350 tỷ VND.
- (ii) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.421.161.189	3.753.448.287
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	3.510.842.301	(1.332.287.098)
Số cuối năm	5.932.003.490	2.421.161.189

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.595.395.589	2.221.254.487
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	8.595.395.589	2.208.235.596
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	-	7.898.880
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	5.120.011
Phải trả các nhà cung cấp khác	28.155.864.406	28.895.521.134
Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam	1.457.030.485	3.033.625.983
Công ty TNHH Hóa dược Quốc tế Phương Nam	-	808.412.500
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại In Phước Châu	929.692.485	2.693.057.785
Công ty TNHH Centrient Pharmaceuticals India PVT	5.315.520.000	-
Công ty TNHH Bao bì Tấn Thành	2.189.554.524	-
Công ty TNHH Bao bì Đông Âu	3.024.975.780	-
Các nhà cung cấp khác	15.239.091.132	22.360.424.866
Cộng	36.751.259.995	31.116.775.621

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

15a. Phải thu

	Số đầu năm	Số đã bù trừ trong năm	Số phải thu trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.980.381.853	1.710.333.698	-	270.048.155
Thuế xuất, nhập khẩu	283.191.413	258.048.620	-	25.142.793
Thuế thu nhập cá nhân	54.319.971	42.614.764	13.200.000	24.905.207
Cộng	2.317.893.237	2.010.997.082	13.200.000	320.096.155

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15b. Phải nộp

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	578.059.113	5.189.065.140	4.574.776.098	1.192.348.155
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	28.258.473.148	28.258.473.148	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.397.505.496	1.397.505.496	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.680.990.780	32.138.445.139	25.261.012.816	12.558.423.103
Thuế thu nhập cá nhân	279.780.933	2.911.398.916	2.880.602.068	310.577.781
Tiền thuê đất	-	1.960.711.650	1.960.711.650	-
Các loại thuế khác	-	88.123.719	88.123.719	-
Cộng	6.538.830.826	71.943.723.208	64.421.204.995	14.061.349.039

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và Công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	649.112.941	357.013.142
Chi phí hỗ trợ bán hàng	20.268.803.801	6.025.882.222
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.259.451.669	3.086.298.127
Cộng	27.177.368.411	9.469.193.491

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	36.542.540.386	188.753.561.644
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	1.336.003.400	188.753.561.644
<i>Gốc hợp tác đầu tư</i>	-	184.000.000.000
<i>Lợi nhuận hợp tác đầu tư</i>	-	4.753.561.644
<i>Phải trả khác</i>	1.336.003.400	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	25.182.558.904	-
<i>Gốc hợp tác đầu tư</i>	25.000.000.000	-
<i>Lợi nhuận hợp tác đầu tư</i>	182.558.904	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản F.I.T	10.023.978.082	-
<i>Gốc hợp tác đầu tư</i>	9.925.000.000	-
<i>Lợi nhuận hợp tác đầu tư</i>	98.978.082	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	59.910.644.659	60.124.126.901
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	442.463.221	649.758.267
Phải trả về bản án sơ thẩm (xem thuyết minh VII.4)	58.431.883.500	58.431.883.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	779.755.422	785.942.618
Cộng	96.453.185.045	248.877.688.545

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng (*)</i>	288.007.791.419	361.270.029.975
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long.	11.475.805.265	39.820.122.672
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	96.115.853.240	90.223.615.741
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99.667.119.050	50.606.160.424
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	38.149.017.722	49.897.428.875
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	(3.858)	49.974.978.383
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	-	78.987.954.229
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vạn Phúc	-	1.759.769.651
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – chi nhánh Thanh Xuân	42.600.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	62.405.773.887	32.466.054.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	31.980.773.883	31.315.674.950
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	30.425.000.004	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Cần Thơ	-	1.150.380.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.18b)</i>	3.580.080.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối năm	Số đầu năm
	353.993.645.306	393.736.084.925

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất(năm)</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	7,1%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	6,7%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	7,63% - 7,64%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(iv)	50 tỷ VND	từ 08/06/2022 đến 31/12/2022	8,5% - 8,9%
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	7%

(i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem Thuyết minh V.2a).

(ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị được xác định hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3, thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp tài sản là toàn bộ MMTB hình thành trong tương lai phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, thế chấp tài sản là hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng với giá trị 10 tỷ đồng.

(iii) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.

(iv) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng thế chấp hàng hóa, thế chấp tài sản

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài	Cộng
			chính đến hạn trả	
Số đầu năm	361.270.029.975	32.466.054.950	-	393.736.084.925
Số tiền vay phát sinh	1.085.417.933.353	-	-	1.085.417.933.353
Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	62.407.269.469	3.580.080.000	65.987.349.469
Số tiền vay đã trả	(1.158.680.171.909)	(32.467.550.532)	-	(1.191.147.722.441)
Số cuối năm	288.007.791.419	62.405.773.887	3.580.080.000	353.993.645.306

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	145.278.084.495	102.247.094.632
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	70.264.825.167	102.247.094.632
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	75.013.259.328	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	4.313.925.000
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.319.920.000	-
Cộng	159.598.004.495	106.561.019.632

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo các Hợp đồng:
- Theo hợp đồng số 06/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 03 tháng 07 năm 2017 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule III - Giai đoạn 1" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cứu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 111.915.145.300 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017.
 - Theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cứu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.
- (ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/NHCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hữu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hữu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa công ty CP Dược phẩm Cứu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.10).
- (iii) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC ngày 29/11/2022 là máy móc thiết bị để sản xuất capsule với thời hạn thuê 5 năm và lãi suất 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	65.985.853.887	32.466.054.950
Trên 1 năm đến 5 năm	159.598.004.495	106.561.019.632
Cộng	<u>225.583.858.382</u>	<u>139.027.074.582</u>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	3.580.080.000	14.319.920.000	17.900.000.000
Lãi thuê phải trả	1.854.909.979	2.755.182.888	4.610.092.867
Nợ thuê tài chính phải trả	<u>5.434.989.979</u>	<u>17.075.102.888</u>	<u>22.510.092.867</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	106.561.019.632	-	106.561.019.632
Số tiền vay phát sinh	115.579.926.000	17.900.000.000	133.479.926.000
Số tiền vay đã trả	(14.455.591.668)	-	(14.455.591.668)
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(62.407.269.469)	(3.580.080.000)	(65.987.349.469)
Số cuối năm	<u>145.278.084.495</u>	<u>14.319.920.000</u>	<u>159.598.004.495</u>

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.854.149.642	2.068.949.642
Tăng do trích lập	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi quỹ	(2.270.694.089)	(214.800.000)
Số cuối năm	<u>3.583.455.553</u>	<u>3.854.149.642</u>

02
G
H
P
L
H
002
NH
TY
H
T
C
N
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	568.328.240.000	-	31.465.441.126	243.276.624.340	20.166.850	69.473.142.259	912.563.614.575
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Chuyển quyền chuyển đổi trái phiếu	-	7.235.773.743	(31.465.441.126)	-	-	-	(24.229.667.383)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	85.960.657.177	-	1.795.647.251	87.756.304.428
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.110.000.000)	-	(90.000.000)	(2.200.000.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích công ty con	-	-	-	(10.706.909.554)	-	(19.693.090.446)	(30.400.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(138.600.000)	-	(113.400.000)	(252.000.000)
Số dư cuối năm trước	588.328.240.000	7.235.773.743	-	316.281.771.963	20.166.850	51.372.299.063	963.238.251.619
Số dư đầu năm nay	588.328.240.000	7.235.773.743	-	316.281.771.963	20.166.850	51.372.299.063	963.238.251.619
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	142.082.060.000	213.123.090.000	-	-	-	-	355.205.150.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	111.640.895.900	-	1.273.066.633	112.913.962.533
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.000.000.000)	-	-	(2.000.000.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích công ty con	-	-	-	(3.079.129.602)	-	(34.620.870.398)	(37.700.000.000)
Số dư cuối năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	-	422.843.538.261	20.166.850	18.024.495.298	1.391.657.364.152

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Trong năm, thực hiện Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 1375/UBCK-QLCB ngày 21/03/2022 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty đã phân phối 14.208.206 cổ phiếu với giá bán 25.000 VND/cổ phiếu. Ngày 21/3/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo số 23/BC-DCL ngày 17/03/2022 của Công ty.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	164.302.080.000
Cộng	730.410.300.000	588.328.240.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	73.041.030	58.832.824
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	58.832.824
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	58.832.824

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	7.722,17	22.697,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	111.628.672.489	5.371.877.431
Doanh thu bán thành phẩm	924.533.312.422	710.114.347.522
Cộng	1.036.161.984.911	715.486.224.953

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	18.844.053.368	7.655.563.232
Hàng bán bị trả lại	1.554.242.713	4.164.330.783
Giảm giá hàng bán	78.176.072	31.990.361
Cộng	20.476.472.153	11.851.884.376

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	100.619.762.701	5.394.088.612
Giá vốn của thành phẩm đã bán	630.090.579.120	485.491.183.860
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.874.826.024	2.597.014.123
Cộng	<u>733.585.167.845</u>	<u>493.482.286.595</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	25.321.045.956	40.703.988.314
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	46.233.035	11.148.417
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	27.344.855.798	11.213.395.308
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	279.664.597	2.083.756.636
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	5.661.475.000
Cộng	<u>52.991.799.386</u>	<u>59.673.763.675</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	36.283.010.813	31.510.829.843
Chi phí lãi hợp tác đầu tư	3.344.002.741	4.753.561.645
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	137.969.538	90.681.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	64.668.538	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	211.881.840
Cộng	<u>39.829.651.630</u>	<u>36.566.954.695</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	42.222.859.774	35.559.507.442
Chi phí vật liệu, bao bì	457.713.544	528.625.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.381.047.660	1.419.724.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.895.508.625	32.807.350.369
<i>Chi phí hỗ trợ bán hàng</i>	<i>20.860.771.560</i>	<i>13.908.951.275</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>7.953.155.008</i>	<i>4.832.428.421</i>
<i>Chi phí mua ngoài khác</i>	<i>27.081.582.057</i>	<i>14.065.970.673</i>
Các chi phí khác	4.049.426.974	4.166.194.669
Cộng	<u>104.006.556.577</u>	<u>74.481.402.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	24.801.665.765	25.133.169.100
Chi phí vật liệu quản lý	548.611.332	867.950.078
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.343.858.017	1.935.257.904
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	1.404.557.901	3.906.604.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.167.738.904	15.464.218.873
Các chi phí khác	2.542.129.668	1.582.599.016
Cộng	<u>49.808.561.587</u>	<u>48.889.799.085</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	111.640.895.900	85.960.657.177
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	111.640.895.900	83.960.657.177
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	70.160.462	57.499.491
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.591</u>	<u>1.460</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	58.832.824	56.832.824
Ảnh hưởng của 14.208.206 cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 3 năm 2022	11.327.638	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2021	-	666.667
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>70.160.462</u>	<u>57.499.491</u>

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.495 VND xuống còn 1.460 VND

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

500
CỔ
CỔ
HỢP
CỬU
4 V

498
HI N
CÓN
H NH
TOÁN
A
TẠI
G Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	721.573.368.264	462.803.978.482
Chi phí nhân công	132.956.452.331	121.564.043.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.134.506.674	34.273.419.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.826.382.368	104.514.738.625
Chi phí dự phòng	1.404.557.901	3.906.604.114
Chi phí khác	23.386.771.232	4.818.492.375
Cộng	<u>1.031.282.038.770</u>	<u>731.881.276.405</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh ở V.5a.

20
NG
PH
C P
LI
TN
5-06
HÀN
TY
M HỮ
VÀ T
& C
HÀN
A-T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	26.000.000	26.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	26.000.000	26.000.000
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	26.000.000	26.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS	-	16.500.000	16.500.000
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên BKS	-	30.500.000	30.500.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	-	13.000.000	13.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	-	13.000.000	13.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	602.350.000	-	602.350.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên BKS	50.000.004	-	50.000.004
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	11.000.000	11.000.000
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	280.020.000	-	280.020.000
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	51.425.000	-	51.425.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	113.269.000	-	113.269.000
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	314.956.511	-	314.956.511
Cộng		1.412.020.515	314.000.000	1.726.020.515
Năm trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	-	24.000.000	24.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên BKS	-	10.000.000	10.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	14.000.000	14.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám Đốc	38.888.892	-	38.888.892
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	593.000.000	-	593.000.000
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	112.200.000	-	112.200.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	104.556.000	-	104.556.000
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	46.410.000	-	46.410.000
Cộng		895.054.892	342.000.000	1.213.054.892

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dững Tâm	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Bán hàng	-	4.279.839.460
Dịch vụ cho thuê văn phòng	8.890.409.141	6.553.636.128
Phải trả lãi hợp tác đầu tư	3.062.465.754	4.753.561.644
Thu tiền theo hợp đồng hợp tác đầu tư	184.000.000.000	248.000.000.000
Chi tiền theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	64.000.000.000
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	-
Mua hàng	225.850.295	574.654.555
Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa	-	-
Mua hàng	47.414.400	26.815.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	-	-
Chuyên tiền hợp tác đầu tư	26.000.000.000	25.000.000.000
Thu hồi gốc hợp đồng hợp tác đầu tư	26.000.000.000	25.000.000.000
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư đã nhận	76.543.835	637.501.371
Nhận tiền hợp đồng hợp tác đầu tư	9.925.000.000	-
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư phải trả	98.978.082	-
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	-	-
Mua hàng	240.240.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	-	-
Nhận tiền hợp tác đầu tư	47.000.000.000	-
Trả tiền hợp tác đầu tư	22.000.000.000	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	182.558.904	-
Chuyên tiền hợp đồng hợp tác đầu tư	9.000.000.000	-
Thu hồi gốc hợp đồng hợp tác đầu tư	300.000.000	-
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư đã nhận	153.710.137	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco		
Mua hàng	43.941.862.866	5.773.179
Bán hàng	12.825.854.500	913.880.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Nhóm Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Nhóm Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Số liệu so sánh

Điều chỉnh hồi tố sai sót do gian lận của Ban lãnh đạo giai đoạn 2006-2008

Theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, do hành vi phạm tội của các cá nhân (là các cựu Lãnh đạo Công ty trong giai đoạn 2006-2008) làm thiệt hại cho Bộ Y tế 3.848.000 USD tương đương với 61.692.238.500 VND, trong đó, các cá nhân đã nộp tiền khắc phục 3.260.355.000 VND, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phải bồi thường cho Bộ Y tế số tiền 58.431.883.500 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định đây là sai sót do gian lận của Ban lãnh đạo giai đoạn 2006-2008, theo đó, quyết định trình bày hồi tố theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

Ngoài ra năm trước Công ty trình bày khoản phải thu từ hoạt động hợp tác đầu tư là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Công ty đã điều chỉnh sai sót trong năm nay

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Số liệu		Số liệu	
	Mã số	trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	585.653.100.000	(139.030.000.000)	446.623.100.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	28.652.701.994	139.030.000.000	167.682.701.994
Phải trả ngắn hạn khác	319		58.431.883.500	58.431.883.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(58.431.883.500)	(58.431.883.500)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(54.950.350.042)	11.213.395.308	(43.736.954.734)
Tăng, giảm các khoản phải	09	(85.835.842.816)	(19.835.403.836)	(105.671.246.652)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
thu				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(2.108.073.100.000)	1.319.450.000.000	(788.623.100.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25	2.401.295.797.749	(1.292.615.000.000)	1.108.680.797.749
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.160.071.863	(18.212.991.472)	56.947.080.391

4. Thông tin về vụ kiện

Liên quan đến Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội (*Thuyết minh VIII.3*), ngày 02/12/2022, Công ty Cổ phần Dược Cửu Long có đơn kháng cáo về trách nhiệm dân sự, đề nghị tuyên xử "Buộc các bị cáo và người liên quan (các thành viên Hội đồng quản trị cùng các cổ đông đã hưởng thù lao, cổ tức từ nguồn tiền hạch toán giảm giá vốn từ năm 2006 đến năm 2008) liên đới bồi thường, hoàn trả toàn bộ số tiền 3.848.000 USD cho Bộ Y tế. Ngày 27 tháng 12 năm 2022, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội thông báo đã tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Tổng Giám đốc

Lương Trọng Hải